

Ý NGHĨA LỊCH SỬ “NGỌN LỬA” THÍCH QUẢNG ĐỨC QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Tóm tắt: Ngay khi cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963 bắt đầu, giới lãnh đạo Phật giáo đã khẳng định: Phương pháp đấu tranh là bất bạo động. Trong suốt cuộc vận động (7/5/1963 - 01/11/1963), phương pháp bất bạo động đã được Tăng Ni, Phật tử tuân thủ và vận dụng tối đa, trong đó ngọn lửa vị pháp thiêu thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức được xem là tiêu biểu nhất. Bằng những tư liệu lịch sử, bài viết làm rõ ý nghĩa lịch sử cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức (11/6/1963) đối với cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963.

Từ khóa: Cuộc vận động; Phật giáo; Thích Quảng Đức; bất bạo động; năm 1963.

Dấu ấn cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963 trong dòng lịch sử dân tộc nói chung, lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng, có thể lý giải với nhiều lập luận, song điều quán xuyên, xuyên suốt và cốt lõi là ở chỗ cuộc vận động đã vận dụng tối đa phương pháp bất bạo động, trong đó “ngọn lửa” Thích Quảng Đức (11/6/1963) được xem là tiêu biểu nhất.

Hòa thượng Thích Quảng Đức, thế danh là Lâm Văn Tuất, sinh năm 1897 tại làng Hội Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, trong một gia đình có bảy anh chị em, thân phụ là cụ Lâm Hữu Ứng và thân mẫu là bà Nguyễn Thị Nương. Năm bảy tuổi, Lâm Văn Tuất được Hòa thượng Hoàng Thâm, vừa là bổn sư, vừa là cậu ruột nhận làm con chính thức, nên lấy tên là Nguyễn Văn Khiết. Sau đó, Nguyễn Văn Khiết xuất gia, pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hành Pháp. Năm 15

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Ngày nhận bài: 26/4/2018; Ngày biên tập: 7/5/2018; Ngày duyệt đăng: 18/5/2018.

tuổi, thọ giới Sa Di, năm 20 tuổi thọ Tỳ Kheo giới lấy pháp hiệu Quảng Đức. Thọ giới xong, Ngài vào một ngọn núi ở Ninh Hòa phát nguyện tịnh tu ba năm. Sau lần tịnh tu này, Ngài đi khắp Miền Trung để hoằng pháp.

Năm 1932, Ngài được bổ nhiệm làm chức kiểm tăng tại Chi hội Phật giáo Ninh Hòa, sau đó nhận nhiệm vụ kiểm tăng tỉnh Khánh Hòa. Suốt thời gian hành hóa ở Miền Trung, Ngài đã xây cất và trùng tu 14 ngôi chùa, trong đó có chùa Thiên Lộc được xây dựng trên một ngọn núi ở Ninh Hòa, nơi mà Ngài từng nhập thất tịnh tu trước đó. Và cũng tại ngôi chùa này, vào khoảng năm 1935-1936, Ngài đã đúc hai chiếc chuông lớn, vẫn còn đến ngày nay.

Năm 1943, Ngài rời Khánh Hòa vào Miền Nam và cũng từng đến Campuchia hai năm để học hỏi, nghiên cứu kinh điển theo truyền thống Theravada. Cũng như ở Miền Trung, hai mươi năm hành đạo ở Miền Nam, Ngài đã khai sơn và trùng tu 17 ngôi chùa. Năm 1959, Ngài dừng chân ở chùa Quán Thế Âm (Phú Nhuận, Sài Gòn). Đây là ngôi chùa cuối cùng mà Ngài trụ trì. Trước đó, Ngài đã trụ trì chùa Phước Hòa, trụ sở đầu tiên của Hội Phật học Nam Việt. Khi trụ sở này dời về chùa Xá Lợi, Ngài xin thôi việc trụ trì để có đủ thời gian an tâm tu niệm. Thời gian hành hóa ở Miền Nam, Ngài đã từng giữ chức vụ Phó Trị sự và Trưởng ban nghi lễ của Giáo hội Tăng già Nam Việt. Ngày 11/6/1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức thị tịch¹ bằng cuộc tự thiêu để bảo vệ Đạo pháp, phản đối chính sách tôn giáo của Ngô Đình Diệm.

Ngay từ khi cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam bắt đầu, trong cuộc họp tại chùa Từ Đàm (Huế) đêm 7/5/1963, giới lãnh đạo Phật giáo đã đề ra sách lược đấu tranh với những nét đại cương, trong đó phương pháp được khẳng định là “bất bạo động”. Tuy nhiên, trong ý định ban đầu của giới lãnh đạo Phật giáo, “bất bạo động” chỉ bằng các cuộc biểu tình không hô khẩu hiệu, rước linh, tuyệt thực, hạp báo,... còn hình thức tự thiêu dường như chưa hề được nghĩ tới. Trong những cuộc tuyệt thực đầu tiên của Tăng Ni vào cuối tháng 5, đầu tháng 6/1963, giới lãnh đạo Phật giáo đã dự tính rằng: “Nếu kéo dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhàm chán thì phong trào tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẻ, gây xúc động mạnh

nuôi dưỡng”². Song “hình thức mới mẻ” đang còn là ẩn số thì giới lãnh đạo Phật giáo nhận được *Bức tâm thư* đề ngày 27/5/1963 của Hòa thượng Thích Quảng Đức với nội dung xin tự thiêu để bảo vệ Phật pháp, nhưng họ không chấp thuận. Trên thực tế, giới lãnh đạo Phật giáo còn “thật lúng túng, cũng không biết tự thiêu như thế nào!”³.

Mặc dầu không được chấp nhận, ý nguyện tự thiêu của Thích Quảng Đức vẫn được nuôi dưỡng. Ngài lưu lại chùa Ấn Quang trì tụng kinh Pháp Hoa,... Tới ngày 9/6/1963, sau những lần thương lượng giữa Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm không đem lại kết quả; trái lại Tăng Ni, Phật tử bị đàn áp và khủng bố dữ dội hơn, giới lãnh đạo Phật giáo bắt buộc phải chấp nhận ý nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Và “khi được thông báo tin này, Hòa thượng Thích Quảng Đức hết sức mừng rỡ, hình tướng của Ngài toát lên một sức hấp dẫn khó tả, trông như một vị Bồ tát hóa thân ở cõi Ta bà này”⁴.

Ngày 11/6/1963, tại ngã tư đường Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt (Sài Gòn)⁵, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu trước sự chứng kiến của hàng vạn Tăng Ni, Phật tử cùng những quan sát viên, báo chí quốc tế. Chính quyền Ngô Đình Diệm điều động lực lượng đến hòng ngăn cản cuộc tự thiêu, nhưng thất bại vì tăng ni, Phật tử đã kiên quyết bảo vệ bằng cách vây quanh nhà sư nhiều vòng. Có người nằm lăn trước xe cứu hỏa, xe cảnh sát không cho can thiệp.

Trước lúc tự thiêu, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nói rõ tâm nguyện của mình:

Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình

Làm đèn soi sáng nẻo vô minh

Khỏi thối cảnh tình bao người ác

*Tro trắng phẳng san hố bất bình,...*⁶.

Ngài đã hành động đúng với hạnh nguyện Bồ tát:

Bể khổ lấp bằng là đại nguyện.

*Từ bi bao quản mọi hy sinh”*⁷.

“Cuộc hy sinh phi thường và dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức, hình ảnh cụ ngồi thẳng như tượng đá trong ngọn lửa rực hồng đã nhanh như một làn sóng điện làm sôi nổi dư luận trong cả nước Việt Nam và trên thế giới. Ảnh của vị hòa thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo khắp năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục”⁸.

Ở trong nước, trong *Diễn từ* đọc sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, khẳng định: “Cái chết vô úy của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng”⁹ được xem như là một lời kêu gọi khẩn thiết đối với tất cả những ai có lương tri hãy đứng lên đấu tranh chống lại bạo quyền. Ngày 12/6/1963, giới lãnh đạo cao cấp của Phật giáo từ Huế vào Sài Gòn trực tiếp lãnh đạo cuộc vận động tại đây. Cũng trong ngày này, tại vùng giải phóng, Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã long trọng tổ chức lễ truy điệu Hòa thượng Thích Quảng Đức. Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng (bấy giờ đang công tác ở Trung ương cục Miền Nam) nhớ lại rằng: “Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tôn vinh Hòa thượng Thích Quảng Đức, mặc dù trong tuyên bố nói rõ Mặt trận không cổ vũ cho hình thức tự thiêu, song quyết định của Hòa thượng mang ý nghĩa rộng lớn hơn một sự hy sinh bình thường. Ý nghĩa rộng lớn ấy nằm ở chỗ Hòa thượng Thích Quảng Đức không chỉ ‘Vị Pháp thiêu thân’ mà là ‘Vị quốc thiêu thân’. Trong trường hợp này, Hòa thượng Thích Quảng Đức là một anh hùng”¹⁰.

Ở Miền Bắc, *Xã luận* báo Nhân Dân (13/6/1963) viết: “Gương hy sinh anh dũng của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một sự tố cáo, lên án trước dư luận toàn thế giới chế độ độc tài cực kỳ tàn bạo của bọn Mỹ - Diệm. Chế độ ấy phải bị đánh đổ. Mười bốn triệu đồng bào miền Nam quyết đánh đổ chế độ ấy”¹¹. Cảm động trước sự hy sinh cao cả của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trân trọng cắt các cột báo đăng tin và ghi lại công đức của Hòa thượng, đồng thời có câu đối kính viếng Hòa thượng:

Vị pháp thiêu thân vạn cổ hùng huy thiên nhật nguyệt

*Lưu danh bất tử bách niên chính khí địa sơn hà*¹².

Trên bình diện quốc tế, cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức được xem là “một hành động tiêu biểu vĩ đại. Nó không chỉ chống lại Diệm, để chỉ sự hiện hữu của Phật giáo và được đề ý tới, mà nó còn có ý nghĩa chống lại sự bất công, bất chính của toàn thế giới,... Với một hành động lặng thình, không nói một lời, một vị hòa thượng Việt Nam đã nêu một tấm gương sáng, một kháng nghị cao đẹp, lộng lẫy, chống lại mọi xấu xa đê hèn của loài quỷ sứ đang còn tồn tại trong thế giới ngày nay”¹³; rằng “Vụ Phật giáo năm 1963 đã làm chấn động các quốc gia ngoài châu Á kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức: Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ, Úc, Đức... Tấm hình tự thiêu của Hòa thượng đã được phổ biến khắp thế giới, từ trên bàn giấy của Tổng thống Hoa Kỳ tới văn phòng các lãnh tụ Trung Hoa và chính nước cộng sản này đã cho in ra hàng triệu tấm hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú: Một tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ - Diệm”¹⁴. Ở châu Âu, tấm ảnh tự thiêu của Thích Quảng Đức do Macoln Browne, phóng viên hãng AP, ghi được, bày bán hàng loạt trên đường phố như những tấm bưu thiếp từ sau ngày 11/6/1963 đến cuối thập niên 1960.

Ở châu Á, các quốc gia theo Phật giáo, như: Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Tích Lan, Ấn Độ, ... đã kịch liệt lên án chế độ Ngô Đình Diệm, đồng thời ca ngợi gương hy sinh của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Ở Nhật Bản, báo chí đã dành những chỗ trang trọng đăng tin và ảnh, như tờ *Asahi Evening News* ngày 12/6, đã đăng 3 tấm ảnh lớn chiếm gần một phần tư trang một và các báo khác cũng đều đăng tỉ mỉ rõ ràng về vụ này¹⁵; hoặc tổ chức cuộc mít tinh mặc niệm Hòa thượng Thích Quảng Đức và những người bị chính quyền Ngô Đình Diệm giết hại ở Huế, Sài Gòn và ra tuyên bố kịch liệt lên án chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 23/6/1963, sau lễ cầu siêu cho Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam tử vì đạo, toàn thể Tăng, tín đồ phái Tịnh độ Chân tông đánh điện văn gửi giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam Việt Nam. Điện văn có đoạn viết: “Sự kiện sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam gần đây là một việc làm đáng buồn, và cũng là một triệu chứng

bất tường. Nhân danh Tổng hội Phật giáo Chân tông Nhật Bản, chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng tôn kính và ai điều đối với việc vì đạo thiêu thân của cố Hòa thượng Thích Quảng Đức. Chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng nhiệt thành ủng hộ trong cuộc hộ Pháp của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam trong lúc Pháp nạn này”¹⁶. Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nhật Bản thừa nhận: “Dư luận Phật giáo Nhật Bản trở nên sôi nổi đối với vấn đề Phật giáo ở Việt Nam. Một số đoàn thể hoặc tư nhân có uy tín đã tiếp xúc thẳng với Thiêm tòa để thăm dò tin tức và chất vấn về những biến cố đáng tiếc mới xảy ra; một số khác viết thư hoặc gọi điện tín đến Thiêm tòa để phản kháng những hành động mà họ cho rằng có tính cách đàn áp Phật giáo ở Việt Nam”¹⁷.

Đặc biệt, ngọn lửa Thích Quảng Đức đã gây nên một chấn động mạnh ở Mỹ. Tại Washington D.C., ngày 12/6/1963, nhân dân Mỹ đã đón nghe một cách xúc động về cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hơn hai tuần sau ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, ngày 30/6/1963, trong một bài giảng tại nhà thờ ở New York, Mục sư Donalds Harrington đã xem cái chết của Thích Quảng Đức giống như cái chết của Chúa Giêsu, Michel Servetus, Jeanne d’Arc. Ông cho rằng “sự tự thiêu của Ngài đã cứu vớt bao nhiêu sinh linh đang chìm đắm trong khổ hận, kẻ đàn áp cũng như kẻ bị đàn áp đều bừng tỉnh. Ngài đã tô đậm nét vàng son trên trang sử huy hoàng của Phật giáo và dân tộc”¹⁸. Từ *New York Herald Tribune* (21/7/1963) cho rằng, “Hòa thượng Thích Quảng Đức, một vị tu sĩ đã biến tấm áo cà sa vàng của mình thành một giàn hỏa thiêu,... Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam cũng đang làm một công việc rất hay là ông đang tự đốt hết nền tảng của chế độ ông”¹⁹. Từ *San Francisco Chinese World* đưa ra lập trường quyết liệt hơn: “Đã đến lúc chính quyền Hoa Kỳ phải từ giã ông Ngô Đình Diệm. The Chinese World khẩn thành kêu gọi tất cả mọi người Mỹ lên án ông Diệm, một kẻ độc tài của Sài Gòn”²⁰. Rõ ràng, ngọn lửa Thích Quảng Đức khiến cho dư luận Mỹ quay sang chống chế độ Ngô Đình Diệm.

Về chính quyền Ngô Đình Diệm, tối ngày 11/6/1963, qua đài phát thanh, Ngô Đình Diệm đọc thông điệp, lên án cuộc tự thiêu của Thích Quảng Đức là do “một số người bị đầu độc gây án mạng”. Lời lẽ trong

thông điệp bộc lộ bản chất độc tài của Ngô Đình Diệm, khi y tuyên bố: “Sau lưng Phật giáo trong nước còn có Hiến pháp, nghĩa là có tôi”²¹. Mặc dầu vậy, Ngô Đình Diệm vẫn lo sợ một cuộc bùng nổ lớn vào dịp đưa tang Thích Quảng Đức (được dự định là ngày 16/6/1963), nên cấp tốc mở cuộc điều đình với Phật giáo. Cuộc điều đình bắt đầu ngày 14/6/1963. Sau 5 phiên họp, 1 giờ 30 sáng ngày 16/6/1963, hai bên ký Thông Cáo chung. Nội dung Thông Cáo chung về cơ bản thỏa mãn 5 nguyện vọng mà Phật giáo đã đề ra trong Tuyên ngôn ngày 10/5/1963. Đúng về phương diện thương thuyết, việc ký kết Thông Cáo chung là một thắng lợi của Phật giáo.

Song với bản chất giáo phiệt, việc ký Thông Cáo chung đối với chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ là kế hoãn binh để tiến đến dập tan cuộc vận động của Phật giáo. Điều này giải thích vì sao chính quyền Ngô Đình Diệm vi phạm Thông Cáo chung và tiến hành “Kế hoạch nước lũ” vào đêm 20 rạng ngày 21/8/1963. Do vậy, cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam tiếp tục trở lại (16/7/1963) và có thêm 6 Tăng Ni và 1 cư sĩ noi gương Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Đó là Đại đức Thích Nguyên Hương (4/8/1963), Đại đức Thích Thanh Tuệ (13/8/1963), Ni sư Diệu Quang (15/8/1963), Thượng tọa Thích Tiêu Diêu (16/8/1963), Cư sĩ Nguyễn Thìn (29/9/1963), Đại đức Thích Quảng Hương (5/10/1963), Đại đức Thích Thiện Mỹ (27/10/1963).

“Bất bạo động” trong cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963, đỉnh cao là ngọn lửa Thích Quảng Đức, khiến sức mạnh chính nghĩa đã tăng lên với cấp số nhân, đẩy chế độ Ngô Đình Diệm đến chỗ bị cô lập cao độ cả quốc nội lẫn quốc ngoại, rồi sụp đổ ngày 01/11/1963.

Một số nét “chấm phá” về ngọn lửa Thích Quảng Đức, cho phép rút ra ý nghĩa lịch sử của ngọn lửa Thích Quảng Đức đối với cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963.

Một, trong những phong trào đấu tranh chống bạo quyền, chống áp bức dân tộc,... diễn ra trong lịch sử loài người, đây không phải là lần đầu tiên phương pháp “bất bạo động” theo đúng ý nghĩa của nó được đem ra áp dụng. Thánh Gandhi là người đã thành công trong việc áp dụng phương pháp “bất bạo động” để giành độc lập cho đất nước Ấn Độ. Và ngay từ đầu cuộc vận động, giới lãnh đạo Phật giáo

đã khẳng định: “Chúng tôi phải thực hiện tư tưởng Phật giáo ngay trong cuộc đấu tranh của chúng tôi... Ngay bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố một cách minh bạch rằng người tăng sĩ Phật giáo là người sẵn sàng noi theo Gandhi, vị Thánh của sức mạnh bất bạo động”²². Tuy vậy, “bất bạo động” mà Gandhi sử dụng là chính sách “bất hợp tác” tiến bộ dần trong “bất bạo động”, được thể hiện từ những hình thức như bãi công, bãi thị, bãi khóa, công chức cự tuyệt mọi chức vụ, không làm việc trong các cơ quan do chính phủ Anh lập ra, nông dân không nộp thuế, hàng hóa Anh bị tẩy chay, toàn dân Ấn tự dệt vải may mặc,... đến việc quần chúng biểu tình không mang vũ khí..., song tuyệt nhiên chưa có hình thức tự đốt mình như Hòa thượng Thích Quảng Đức. Sức mạnh “bất bạo động” của Gandhi là sức mạnh “bất hợp tác” của số đông người; “bất bạo động” của Thích Quảng Đức là sức mạnh tinh thần của một cá thể mà lay chuyển cả một chế độ, cảnh tỉnh cả thế gian đầy bạo lực. Rõ ràng việc đốt mình của Thích Quảng Đức “là một trạng thái mới lạ và huyền ảo của bất bạo động. Nó chứng tỏ rõ rệt cái uy quyền tối thượng của tinh thần. Không một bạo lực nào có thể làm suy giảm được tâm hồn; sức chịu đựng của một cá thể đối với mọi ức chế đàn áp chính trị độc tài thật vô biên”²³. Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng có lý khi cho rằng trong cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963, “cái tinh túy của đạo Phật được phát huy, được luân lý dân tộc chấp nhận. Đó là hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, một kỳ công không cách gì có được, là hun đúc của lịch sử, là tinh hoa của Phật giáo, với tầm cỡ thế giới,... nhất là hình ảnh Ngài đến lúc trái tim không còn hoạt động được nữa”²⁴. Do vậy, điều mà Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, đã khẳng định trong *Diễn từ* đọc sau lễ hỏa táng nhục thân Hòa thượng Thích Quảng Đức, đến nay vẫn còn nguyên giá trị: “Từ xưa đến nay, biết bao vị cao tăng đã tự lên giàn hỏa. Tuy nhiên, trường hợp của Hòa thượng Thích Quảng Đức,... là một trường hợp đặc biệt và hy hữu”²⁵.

Hai, trong cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963, có rất nhiều sự kiện góp phần hỗ trợ lẫn nhau để đẩy lùi bạo quyền,

nhưng phải khách quan mà nhìn nhận rằng ngọn lửa Thích Quảng Đức giữ vị trí trung tâm, đạt đến một tầm cao mà không có một sự kiện nào có thể so sánh được. Ngọn lửa Thích Quảng Đức đã tập hợp mọi người khác chính kiến, khác màu da vào cùng một khối, kết tụ được tinh anh của những khối óc và trái tim vì tình thương mà quyết không chịu lùi bước. Trong suốt quá trình của cuộc vận động từ ngày 7/5/1963 đến 01/11/1963, không tránh khỏi đâu đó có những giây phút do dự, mệt mỏi, nản lòng. Chính những thời khắc đó, ngọn lửa Thích Quảng Đức trở nên vô vàn quý báu, đã làm rắn chắc những trái tim đang dao động và tôi luyện thêm những ý chí rụt rè. “Bất bạo động” trong cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam năm 1963, mà đỉnh cao là ngọn lửa Hòa thượng Thích Quảng Đức, đã thu hút đại bộ phận nhân dân miền Nam, không chỉ Tăng Ni và Phật tử, mà cả những người khác tôn giáo, không cùng chính kiến, nhập cuộc tham gia đấu tranh, được nhân dân thế giới hết sức ủng hộ. Giáo sư Trần Văn Giàu viết: “Kết tinh trong một vị chân tu những nỗi căm hờn đối với chế độ độc tài cá nhân gia đình trị, vô nhân đạo và bạo ngược, hành động dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một bản án không gì chối được đối với chế độ bù nhìn của Mỹ ở Sài Gòn, đồng thời là một lời kêu gọi đồng bào Phật tử đấu tranh chống phát-xít, dù chết không chịu lùi bước. Thật không phải thường có những cái chết kích động nhân tâm sâu sắc và rộng rãi như cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức”²⁶.

Ba, ngọn lửa Hòa thượng Thích Quảng Đức đốt lên với tâm nguyện: *Cúng dường Chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo*; rằng “bất bạo động” là phải dẫn thân một cách tự giác, “chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển đến tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi”²⁷ thì ngọn lửa Thích Quảng Đức đã thể hiện sinh động nhất và được xem là tiêu biểu nhất cho việc hiện thực hóa lý thuyết “bất bạo động” của Phật giáo. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Sự thị tịch của Bồ tát Quảng Đức có nhiều điều kỳ diệu, như khi lửa cháy phủ người, Ngài vẫn ngồi như tượng đồng đen, tay kiết ấn, chân ngồi kiết già, không hề lay chuyển; khi trà tỳ, xương thịt cháy lưu nhiều mẫu xương phát ra những màu sắc tốt đẹp. Đặc biệt nhất là quả tim thiêu không cháy.
- 2 Nguyễn Khải (1993), *Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu*, Báo Lao Động, số 24, ngày 25/3.
- 3 Thích Thông Bửu (2000), “Tư tưởng Bồ tát Quảng Đức”, trong *Đại lễ kỷ niệm năm thứ 37 ngày tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức*, Tổ đình Quán Thế Âm an hành, Tp. Hồ Chí Minh: 15, 3.
- 4 Phòng văn Pháp sư Thích Giác Đức ngày 20/10/1995 tại Boston, USA.
- 5 Nay là đường Cách mạng tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 6 Bài kệ *Kính dâng thập phương chư Phật* của Hòa thượng Thích Quảng Đức, viết trước lúc tự thiêu 11/6/1963.
- 7 Bài minh trong tháp Ấn Quang dựng tại chùa Hòe Nhai, Thủ đô Hà Nội, ngày 20/7/1963 để ghi nhớ tinh thần hộ quốc, an dân của Hòa thượng Thích Quảng Đức.
- 8 Trần Văn Giàu (1996), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập II, Nxb. Khoa học, Hà Nội: 342, 434.
- 9 Diển từ đọc sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, Tài liệu lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
- 10 Trần Bạch Đằng (2005), “Tưởng nhớ Hòa thượng Thích Quảng Đức”, trong Lê Mạnh Thát (Chủ biên), *Bồ tát Quảng Đức – Ngọn lửa và trái tim*, Nxb. Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh: 156.
- 11 *Lửa căm hờn đang rực cháy*, Xã luận báo Nhân Dân, ngày 13/6/1963, tr. 1.
- 12 Phạm Hoài Nam (2005), *Bồ tát Thích Quảng Đức ngọn đuốc xã thân vì Đạo pháp và Tổ quốc*, Báo Sài Gòn Giải phóng, ngày 30/5.
- 13 Thích Mãn Giác (1964), *Ông René De Berval*, Nguyệt san Liên Hoa, Huế, ngày 27/2, tr. 37-38.
- 14 Hoàng Xuân Hào (1972), *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay*, Quyển 1 (Luận án Tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn: 266.
- 15 Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS. 8467.
- 16 Buddhist Times (Japan), số 537, ngày 25/6/1963, Tài liệu lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
- 17 *Công văn số 43/DK/VP/M ngày 21/8/1963 của Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Tokyo* gởi Bộ trưởng Ngoại giao chính quyền Ngô Đình Diệm, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS. 8467.
- 18 Quốc Tuệ (1964), *Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam*, Tác giả xuất bản, Sài Gòn: 113.
- 19 Tuệ Giác, *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, Nxb. Hoa Nghiêm, Sài Gòn: 211, 207.
- 20 Tuệ Giác, *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, Nxb. Hoa Nghiêm, Sài Gòn: 211, 207.

- 21 Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS-8464.
- 22 Bản phụ đính *Bản Tuyên ngôn ngày 10/5/1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam*, công bố vào ngày 23/5/1963, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC. 04-HS.8352.
- 23 Quốc Oai (1963), *Phật giáo tranh đấu*, Nxb. Tân Sanh, Sài Gòn: 93.
- 24 Trần Bạch Đằng (1986), “Mấy vấn đề về nghiên cứu Phật giáo và lịch sử tư tưởng dân tộc”, trong *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội: 22.
- 25 Diển từ đọc sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, Tài liệu lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
- 26 Trần Văn Giàu (1966), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập II, Nxb. Khoa học, Hà Nội.
- 27 Bản phụ đính *Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam*, công bố vào ngày 23/5/1963, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC. 04-HS.8352.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài kệ *Kính dâng thập phương chư Phật* của Hòa thượng Thích Quảng Đức, viết trước lúc tự thiêu 11/6/1963.
2. Bài minh trong tháp Ân Quang dựng tại chùa Hòe Nhại, Thủ đô Hà Nội, ngày 20/7/1963 để ghi nhớ tinh thần hộ quốc, an dân của Hòa thượng Thích Quảng Đức.
3. *Buddhist Times* (Japan), số 537, ngày 25/6/1963, Tài liệu lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
4. *Công văn số 43/DK/VP/M ngày 21/8/1963 của Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa* tại Tokyo gửi Bộ trưởng Ngoại giao chính quyền Ngô Đình Diệm, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS. 8467.
5. Diển từ đọc sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, Tài liệu lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.
6. Trần Bạch Đằng (2005), “Tưởng nhớ Hòa thượng Thích Quảng Đức”, trong Lê Mạnh Thát (Chủ biên), *Bồ tát Quảng Đức – Ngọn lửa và trái tim*, Nxb. Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh: 156.
7. Trần Văn Giàu (1996), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập II, Nxb. Khoa học, Hà Nội: 342, 434.
8. Hoàng Xuân Hào (1972), *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay*, Quyển 1 (Luận án Tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn: 266.
9. Nguyễn Khải (1993), *Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu*, Báo Lao Động, số 24, ngày 25/3.
10. *Lửa cấm hờn đang rực cháy*, Xã luận báo Nhân Dân, ngày 13/6/1963, tr. 1.
11. Phạm Hoài Nam (2005), *Bồ tát Thích Quảng Đức ngọn đuốc xả thân vì Đạo pháp và Tổ quốc*, Báo Sài Gòn Giải phóng, ngày 30/5.
12. Phỏng vấn Pháp sư Thích Giác Đức ngày 20/10/1995 tại Boston, USA.
13. Quốc Tuệ (1964), *Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam*, Tác giả xuất bản, Sài Gòn: 113.

14. Thích Thông Bửu (2000), “Tư tưởng Bồ tát Quảng Đức”, trong *Đại lễ kỷ niệm năm thứ 37 ngày tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức*, Tổ đình Quán Thế Âm ấn hành, Tp. Hồ Chí Minh: 15, 3.
15. Thích Mãn Giác (1964), *Ông René De Berval*, Nguyệt san Liên Hoa, Huế, ngày 27/2, tr. 37-38.
16. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS. 8467.
17. Tuệ Giác, *Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử*, Nxb. Hoa Nghiêm, Sài Gòn: 211, 207.

Abstract

THE HISTORICAL MEANING OF THICH QUANG DUC FLAME THROUGH SOME DOMESTIC AND INTERNATIONAL DOCUMENTS

Le Cung
Hue University's College of Education

After the beginning of Vietnam Buddhism's campaign in 1963, the leaders stated that the method of struggle is nonviolent. During the campaign (from May 7th, 1963 to November 1st, 1963), the nonviolent methods were adopted by Buddhist monks and nuns. The fire of the Venerable Thich Quang Duc is considered the most typical. By historical documents, the article shed a light on the historic meaning of the self-burning of Thich Quang Duc (June 11th, 1963) during the Vietnam Buddhism's campaign in 1963.

Keywords: Campaign, Buddhism, non-violent, Thich Quang Duc, 1963.